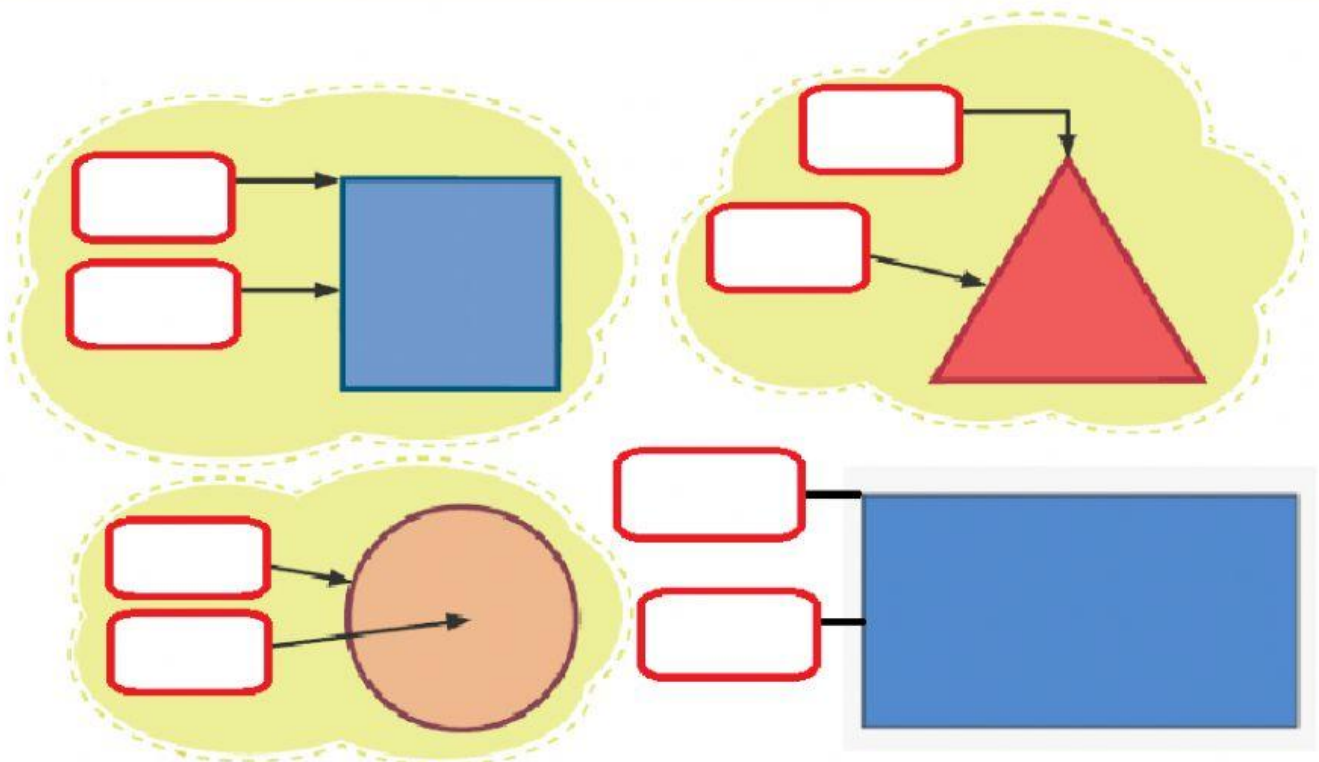


	p í n g m i à n 平 面	Bentuk 2D	2D shapes
1	s ā n j i ǎ o x í n g 三 角 形	segi tiga	triangle
2	zh è n g f ā n g x í n g 正 方 形	segi empat sama	square
3	ch á n g f ā n g x í n g 长 方 形	segi empat panjang	rectangle
4	y u á n 圆	bulatan	circle

p í n g m i à n d e t è zh ē n g
平 面 的 特 征

Ciri-ciri bentuk 2D



	píng miàn 平面	zhí biān 直边	qū biān 曲边	dǐng diǎn 顶点
1	sān jiǎo xíng 三角形			
2	zhèng fāng xíng 正方形			
3	cháng fāng xíng 长方形			
4	yuán 圆			

1. sān jiǎo xíng, zhèng fāng xíng, cháng fāng xíng de biān dōu shì ()。

2. yuán de biān shì ()。

3. yuán méi yǒu ()。

4. sān jiǎo xíng yǒu () tiáo zhí biān hé () gè dǐng diǎn。

5. zhèng fāng xíng hé cháng fāng xíng dōu yǒu () tiáo zhí biān hé () gè dǐng diǎn。

6. zhèng fāng xíng: sì tiáo zhí biān dōu shì ()。

7. cháng fāng xíng: () yī yàng cháng。